

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG (*General information*):

- Tên học phần (*tiếng Việt*) : Quản trị Chiến lược
- Tên học phần (*tiếng Anh*) : Strategic Management
- Mã học phần : DM3013
- Trình độ : Đại học
- Loại học phần
 - ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
 - ☐ Kiến thức giáo dục đại cương
 - ☐ Kiến thức cơ sở ngành
 - ☐ Kiến thức cơ sở ngành
 - ☐ Kiến thức ngành / chuyên ngành
 - ☐ Kiến thức cuối khoá
- Thuộc thành phần
- Khoa, Bộ môn phụ trách : Digital Marketing
- Số tín chỉ : 3 (3 , 0 , 6)
(*Lý thuyết, thực hành, Tự học*)
- Phân bổ thời gian
 - Lên lớp (lý thuyết): 45 giờ
 - Làm việc nhóm, thực hành, thảo luận: 0 giờ
 - Tự học, tự nghiên cứu: 90 giờ
- Học phần tiên quyết : Không
- Học phần học trước : Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, quản trị học
- Học phần song hành : Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN (*Course description*):

(*Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần*)

Môn học này trình bày : Các khái niệm quản trị chiến lược; Quy trình xây dựng chiến lược; nhận dạng các loại chiến lược kinh doanh trong thực tiễn; mục tiêu sứ mạng của doanh nghiệp; phân tích môi trường bên ngoài và môi trường bên trong, việc ứng dụng các công cụ ma trận IFE, EFE, SWOT, CPM, QSPM trong việc xác định các chiến lược thực hiện của doanh nghiệp.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (*Course objectives*):

(Xác định các mục tiêu chung của học phần, gồm các mục tiêu về kiến thức/kỹ năng/thái độ và mức tự chủ, trách nhiệm)

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có:

Ký hiệu (Ox)	Mục tiêu học phần
Kiến thức	
O1	Nắm được vai trò và chức năng của Quản trị Chiến lược, ý nghĩa của qui trình xây dựng Chiến lược của doanh nghiệp trong kinh tế thị trường.
O2	Hiểu và phân tích được Qui trình xây dựng Chiến lược kinh doanh, xác định được các yếu tố quan trọng của các loại môi trường kinh tế vĩ mô, môi trường vi mô và môi trường ngành, các yếu tố trong môi trường nội bộ tác động đến việc xây dựng Chiến lược kinh doanh.
Kỹ năng	
O3	Có khả năng thực hành các Ma trận EFE, IFE, CPM, SWOT, QSPM, xây dựng được Chiến lược kinh doanh khoa học và hợp lý trong doanh nghiệp.
O4	Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thái độ đúng đắn với sự biến động của môi trường, về đạo đức kinh doanh, về văn hoá doanh nghiệp, sự liên kết các thành phần liên quan trong nền kinh tế vô cùng quan trọng.
Mức tự chủ và trách nhiệm	
O5	Có thái độ tích cực, chủ động trong tìm hiểu kiến thức chuyên ngành có liên quan và tác phong làm việc nghiêm túc, khoa học.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN (*Course learning outcomes - CLOs*)

(Cụ thể hóa mục tiêu cụ thể, gồm các chuẩn đầu ra về kiến thức/kỹ năng/thái độ và mức tự chủ, trách nhiệm)

Ox	CLOx	PLOx
Kiến thức		
O1, O2	CLO1: Hiểu được các chức năng cơ bản của Quản trị Chiến lược. CLO2: Hiểu được và giải thích được qui trình quản trị Chiến lược.	PLO2, PLO3
Kỹ năng		
O3, O4	CLO3: Phân tích và Xây dựng được Chiến lược kinh doanh. CLO3: Phân tích và Xây dựng được Chiến lược kinh doanh.	PLO6, PLO7
Mức tự chủ và trách nhiệm		
O5	CLO5: Có thái độ tích cực, chủ động trong tìm hiểu kiến thức chuyên ngành có liên quan và tác phong làm việc nghiêm túc, khoa học.	PLO11

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN (*Contents of course*)

(có thể theo bài giảng hoặc theo chương nhưng bài giảng tốt hơn)

5.1. Lý thuyết:

Số TT	Nội dung (Tên bài giảng)	Số giờ				TỔNG
		Lý thuyết	Thảo luận nhóm	Tự học	Khác (nếu có)	
Bài 1	Chương 1. Tổng quan về quản trị chiến lược 1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu 1.1. Đối tượng 1.2. Phương pháp nghiên cứu 2. Các khái niệm 2.1. Chiến lược 2.2. Quản trị chiến lược 2.3. Tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu của doanh nghiệp 3. Mô hình quản trị chiến lược 4. Vai trò của quản trị chiến lược 5. Tóm tắt nội dung	4				4
Bài 2	Chương 2. Phân tích môi trường kinh doanh của DN 1. Khái niệm 1.1. Môi trường 1.2. Môi trường kinh doanh 1.3. Tác động của môi trường kinh doanh đến sự phát triển DN 2. Môi trường bên ngoài 2.1. Các yếu tố MT bên ngoài - Thảo luận và bài tập 3. Môi trường bên trong 3.1. Các yếu tố MT bên trong - Thảo luận và bài tập 4. Tóm tắt nội dung	8		15		23
Bài 3	Chương 3. Đánh giá các ưu điểm, nhược điểm- ma trận IFE 1. Khái niệm 1.1. Ma trận 1.2. Ma trận đánh giá các yếu tố bên trong doanh nghiệp – ma trận IFE 1.3. Việc hình thành ma trận IFE	10		25		35

		Số giờ				
Số TT	Nội dung (Trên bài giảng)					TỔNG
	2. Kỹ năng thiết lập ma trận IFE 3. Các ưu, nhược điểm của DN - Thảo luận và bài tập 4. Tóm tắt nội dung					
Bài 4	Chương 4: Đánh giá các cơ hội và thách thức - ma trận EFE 1. Ma trận đánh giá các yếu tố bên trong doanh nghiệp - ma trận IFE 2. Việc hình thành ma trận IFE 3. Kỹ năng thiết lập ma trận IFE 4. Các cơ hội và thách thức DN - Thảo luận và bài tập 5. Tóm tắt nội dung	8		24		32
Bài 5	Chương 5: Đánh giá các khả năng cạnh tranh - ma trận SWOT, ma trận CPM 1. Ma trận SWOT 2. Việc hình thành ma trận SWOT 3. Kỹ năng thiết lập ma trận SWOT 4. Ma trận CPM 5. Việc hình thành ma trận CPM 6. Kỹ năng thiết lập ma trận CPM - Thảo luận và bài tập 7. Tóm tắt nội dung	7		25		32
Bài 6	Chương 6. Đánh giá và chọn lựa các chiến lược thực hiện - các ma trận QSPM 1. Ma trận QSPM 2. Việc hình thành ma trận QSPM 3. Kỹ năng thiết lập ma trận QSPM 4. Việc chọn lựa các chiến lược thực hiện - Thảo luận và bài tập 5. Tóm tắt nội dung	4		8		12
Bài 7	Chương 7. Thực hiện và việc điều chỉnh chiến lược 1. Triển khai các chiến lược thực hiện trong doanh nghiệp 2. Cung cấp các nguồn lực thực hiện	4		8		12

		Số giờ				
Số TT	Nội dung (Tên bài giảng)					TỔNG G
	3. Đánh giá kết quả thực hiện các chiến lược 4. Việc điều chỉnh các chiến lược thực hiện - Thảo luận và bài tập 5. Tóm tắt nội dung					
TỔNG		45		1 0 5		150

(Chú ý: 1 tín chỉ phải đảm bảo tổng là 50 giờ)

5.2. Thực hành:

Số TT	Nội dung (Tên bài giảng)	Số giờ				TỔNG G
		...	...	...	...	
Bài 1						
Bài 2						
Bài 3						
TỔNG						

(Chú ý: 1 tín chỉ phải đảm bảo tổng là 50 giờ)

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC (Teaching – Learning methods):

6.1. Phương pháp giảng dạy:

- Lý thuyết: Trình chiếu slide bài giảng, Thuyết giảng, Giải quyết vấn đề, học theo tình huống, hướng dẫn giải bài tập.

- Thực hành:

6.2. Phương pháp học:

- Lý thuyết:

- Dự lớp: theo qui định chung của trường,

- Sinh viên đọc trước slide bài giảng của học phần và những tài liệu theo yêu cầu của giảng viên trước mỗi buổi học

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn trên lớp, và các bài kiểm tra tại lớp: các điểm này sẽ được đánh giá vào cột điểm quá trình của sinh viên.

- Thực hành:

7. TÀI LIỆU DẠY - HỌC, THAM KHẢO (Learning materials)

7.1. Tài liệu dạy học: chỉ có 1 tài liệu – bắt buộc bằng tiếng Việt

[1] Fred R. David (2015), *Giáo trình Quản trị Chiến lược*, bản dịch tiếng Việt. NXB Kinh tế Tp HCM.

7.2. Tài liệu tự học và tham khảo: từ 3-5 tài liệu, một số học phần có thể có 7 tài liệu, (cả tiếng Việt và tiếng Anh)

[1] Micheal Porter (2016), *Chiến lược cạnh tranh*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

[2] Koji Matani (2020), *Giáo trình quản trị chiến lược, bản dịch tiếng Việt*. NXB Tp HCM.

[3] PGS.TS. Ngô Kim Thanh (2011), *Giáo trình Quản trị Chiến lược*, NXB.Đại Học Kinh Tế Quốc Dân.

7.3. Phần mềm, công cụ hỗ trợ bài tập hoặc thực hành

- 1) Máy chiếu, Laptop,
- 2) Phần mềm Microsoft Office,
- 3) Bông lau, bút viết bảng.

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ (*Testing and assessment methods*)

8.1. Thang điểm đánh giá:

Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn với một chữ số thập phân (đến 0,1) và xếp loại điểm chữ như sau:

Loại	Thang điểm 10	Điểm chữ	Quy đổi thang điểm 4
Đạt (các học phần được tính vào điểm trung bình học tập)	8,5 – 10	A	4
	7,0 – 8,4	B	3
	5,5 – 6,9	C	2
	4,0 – 5,4	D	1
Đạt (các học phần chỉ yêu cầu đánh giá “Đạt” và không tính điểm trung bình học tập)	Từ 5,0 trở lên	P	
Không đạt	< 4,0	F	0

8.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá tự học:

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
Hoàn thành bài tập theo nhóm	Chấm bài tập	Rubic 1	100%

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung đánh giá		Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Điểm danh, ý thức học tập	Rubic 1	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Trắc nghiệm	Rubic 2	30%
		Câu hỏi ngắn		
		Tình huống		
		Kết quả tự học		
		...		
Kết thúc học phần	Thi	Trắc nghiệm	Rubic 3	60%

(Tỷ lệ Thi kết thúc học phần: Khối Sức khỏe 70% - Khối ngoài Sức khỏe 60%)

9. **MA TRẬN (Matrix):**

❖ **Ma trận tương thích chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:** (nên có ma trận này)

Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)											
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO1		H	H	P	P	S	S					
CLO2		H	H	P	P	S	S					
CLO3		S	S	P	P	H	H					
CLO4		S	S	P	P	H	H					
CLO5		P	P	P	P	S	S				H	

Ghi chú: các ký tự trong các ô thể hiện

P: Đóng góp một phần cho chuẩn đầu ra

Partial supported

S: Đóng góp cho chuẩn đầu ra

Supported

H: Đóng góp quan trọng cho chuẩn đầu ra

Highly supported

Đề trống ô, nếu học phần không có đóng góp cho chuẩn đầu ra tương ứng

Ngoài ra có thể viết thêm ma trận khác nếu có điều kiện:

❖ **Ma trận tương thích phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra của học phần**

PP dạy - học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Thuyết trình	P	P	S	H	H	S			
Thảo luận nhóm	H	H	H	H	H	H			
Hỏi – trả lời	P	P	S	H	H	S			
Báo cáo chuyên đề									
Bài tập									
....									

❖ **Ma trận tương thích phương pháp kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra của học phần**

PP kiểm tra, đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Lý thuyết	P	P	S	H	H	S			
Điểm chuyên cần	H	H	H	H	H	H			

PP kiểm tra, đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Điểm kiểm tra MCQ	P	P	S	H	H	S			
Điểm thi kết thúc MCQ									
Thực hành									
Kế hoạch thực hành, bệnh án ...									
Thi kết thúc									

❖ Ma trận tương thích nội dung dạy – học và chuẩn đầu ra của học phần

❖ Ma trận tương thích phương pháp dạy - học và nội dung dạy – học

10. RUBIC / THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ (Scoring guide/Rubric):

Rubic 1: Điểm danh, đánh giá điểm chuyên cần

Kiểm tra trên lớp	MỨC A (8.5-10)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC C (5.6-6.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC F (0-3.9)
Hỏi bài cũ, bài mới và làm bài tập tại lớp (kiểm tra khả năng tự học của sinh viên)	Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 4 - 5 lần	Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 3 lần	Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 2 lần	Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 1 lần	Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 0 lần
Điểm danh đi học đầy đủ	Đi học đầy đủ 100% các buổi điểm danh	Đi học <85% các buổi điểm danh	Đi học 75 % các buổi điểm danh	Đi học <50% các buổi điểm danh	Đi học < 25%

Rubic 2: Đánh giá quá trình

Bài kiểm tra 30 phút	Giỏi (8-10đ)	Khá(6-7đ)	TB(5đ)	Yếu(3-4đ)	Kém(0-3đ)
Bài kiểm tra số 1 về về hiểu về kiến thức	Hiểu và thực hiện đúng 85 đến 100%	Hiểu và thực hiện đúng 70 đến < 85%	Hiểu và thực hiện đúng 50 đến < 75%	Hiểu và thực hiện đúng 30 đến < 50%	Hiểu và thực hiện đúng dưới < 30%
Bài kiểm tra số 2 về vận dụng kiến thức	Hiểu và thực hiện đúng 85 đến 100%	Hiểu và thực hiện đúng 70 đến < 85%	Hiểu và thực hiện đúng 50 đến < 75%	Hiểu và thực hiện đúng 30 đến < 50%	Hiểu và thực hiện đúng dưới < 30%

Rubic 3: Đánh giá kết thúc học phần

Bài kiểm tra 90 phút	Giỏi (8-10đ)	Khá(6-7đ)	TB(5đ)	Yếu(3-4đ)	Kém(0-3đ)
----------------------	-----------------	-----------	--------	-----------	-----------

<i>Bài kiểm tra cuối kỳ về toàn bộ nội dung đã học</i>	<i>Hiểu và thực hiện đúng 85 đến 100%</i>	<i>Hiểu và thực hiện đúng 70 đến < 85%</i>	<i>Hiểu và thực hiện đúng 50 đến < 750%</i>	<i>Hiểu và thực hiện đúng 30 đến < 50%</i>	<i>Hiểu và thực hiện đúng dưới < 30%</i>
--	---	---	--	---	---

11. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CỦA GIẢNG VIÊN VÀ TRỢ GIẢNG (*Student support*)

- Giảng viên sẽ giải đáp tất cả các thắc mắc của học viên liên quan đến môn học.
- Sinh viên có thể gửi email qua địa chỉ hieupd@hiu.vn hoặc gặp trực tiếp giảng viên vào ngày thứ 2 và 4 hàng tuần tại Văn phòng khoa KT-QT.

TP. HCM, ngày 08 tháng 06 năm 2022

Trưởng Khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)